

Lợi ích của phản biện xã hội đối với chính sách nhà nước

PHƯƠNG NGỌC THẠCH (*)

Ảnh Hòa Tấn



Phản biện xã hội là sự phản ánh những dư luận xã hội, ý kiến, kiến nghị của cộng đồng xã hội về một sự kiện có liên quan đến lợi ích chung của cộng đồng trên cơ sở tổng hợp phân tích, luận chứng khoa học có cơ sở thực tiễn vạch ra những cái đúng cái sai nhằm đáp ứng yêu cầu cuộc sống đặt ra.

Phản biện xã hội cho phép tập hợp rộng rãi trí tuệ, sáng kiến của các tầng lớp nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Sự phản biện từ phía dư luận xã hội là một trong những cơ sở thông tin quan trọng giúp cho chính quyền có những quyết sách phù hợp với thực tiễn xã hội, hợp lòng dân. Sự tham gia của người dân làm cho quyết định của chính quyền được hoàn thiện hơn, giúp tránh được những thiệt hại cho cuộc sống của người dân và tiết kiệm được tiền bạc của Nhà nước.

Phản biện xã hội được thực hiện thông qua dư luận xã hội. Trong xã hội có nhiều tầng lớp xã hội với các lợi ích

khác nhau. Mặc dù có những lợi ích rất khác nhau nhưng giữa các tầng lớp xã hội vẫn có những lợi ích chung. Khi sự kiện, hiện tượng xã hội đụng chạm đến lợi ích chung làm phát sinh những phản ứng chung của họ, hình thành dư luận xã hội đối với các sự kiện, hiện tượng xã hội đó. Dư luận xã hội là một tập hợp các ý kiến, nhận xét đánh giá của cộng đồng hay của xã hội trước những vấn đề mang tính thời sự, có liên quan tới lợi ích chung, thu hút được sự quan tâm của nhiều người. Trong bất kỳ xã hội nào dư luận xã hội đều có ảnh hưởng nhất định, trong nhiều trường hợp, còn tác động mạnh mẽ đến các quá trình ra quyết định. Dư luận xã hội chỉ nảy sinh khi có những vấn đề mang ý nghĩa xã hội, các sự kiện hiện tượng xảy ra trong xã hội có liên quan đụng chạm đến lợi ích chung của cộng đồng xã hội, của toàn xã hội. Dư luận xã hội phát hiện những điểm khiếm khuyết, những điều bất cập, những khe hở trong các chủ trương chính sách của Nhà nước. Những tiếng

nói từ người dân, từ dư luận xã hội sẽ làm cho việc ra quyết định được hoàn thiện hơn, bảo đảm cho các dự án và chính sách triển khai đáp ứng các nhu cầu của người dân và phù hợp với cộng đồng mà những dự án và chính sách đó tác động. Nắm bắt được dư luận xã hội là nắm được lòng dân, nhu cầu nguyện vọng của người dân

Thu nhận thông tin dư luận xã hội thực hiện bằng nhiều cách, có thể qua báo đài, tài liệu, giao tiếp xã hội hoặc tổ chức điều tra. Điều tra thăm dò dư luận xã hội là phương thức thực hiện phản biện xã hội. Hoạt động điều tra thăm dò dư luận xã hội như là một kênh chủ yếu, một phương thức cụ thể để thực hiện phản biện xã hội. Có thể tổ chức điều tra thăm dò dư luận xã hội bằng thực hiện phỏng vấn, trưng cầu ý dân...cho phép thu thập được những thông tin, số liệu cần thiết.

Để hướng tới một xã hội công bằng dân chủ, phản biện xã hội là một nhu cầu cần thiết, là một trong những phương thức đặc trưng của việc thực thi nền dân chủ. Sự tham gia của người dân trong việc ra quyết định là yếu tố căn bản của xã hội dân chủ, đã được thể hiện ở nhiều nước trên thế giới. Ở nước ta phản biện xã hội đã và đang góp phần không nhỏ tạo nên những điều chỉnh theo chiều hướng hợp lòng dân hơn. Song cũng còn nhiều chính sách còn xa lòng dân quá, phản biện nhiều nhưng không thấy thay đổi. Dư luận xã hội đặt nghi vấn, liệu mệnh lệnh hành chính có bị chi phối bởi các nhóm lợi ích tư hay không. Sự giàu có tập trung vào trong tay một số người, đòn bẩy chính sách có nguy cơ nghiêng về phía lợi ích của người giàu, làm suy yếu sự tăng trưởng kinh tế bền vững. Hậu quả là đã có không ít bài học đắt giá từ việc triển khai dự án thiếu chú ý đến sự tham gia của người dân. Thiếu sự tham gia của người dân địa phương đã dẫn đến việc họ có thái độ chống đối quyết liệt khi các dự án ảnh hưởng đến lợi ích thiết thân được triển khai.

Hiện chúng ta có nhiều vấn đề cần phản biện xã hội. Sau đây là một số vấn đề liên quan đến chính sách nhà nước

mà dư luận xã hội đề cập nhiều cần tăng cường phản biện xã hội

1. Vấn đề chống tham nhũng

Về tham nhũng có ý kiến cho rằng đó là hiện tượng phổ biến ở các nước, xảy ra từ trước đến nay.

Song dư luận xã hội cho rằng cần phải tiêu diệt tham nhũng vì nó có hại cho lợi ích của cộng đồng, lợi ích đất nước. Tham nhũng rất có hại làm tăng chi phí hoạt động kinh doanh và thường gây hậu quả lớn cho người nghèo. Trên thế giới có những nước được đánh giá là sạch sẽ nhất không có tham nhũng hoặc rất ít như các nước Bắc Âu...

Ở nước ta theo đánh giá của Bộ công an trước đây chủ thể của các vụ tham nhũng thường là những người có chức vụ quyền hạn trong các cơ quan quản lý kinh tế, các DNNN thì gần đây có nhiều vụ đối tượng tham nhũng có chức vụ cao trong các cơ quan quản lý nhà nước. Hiện nay theo Thanh tra chính phủ về việc thực hiện Luật phòng chống tham nhũng cho thấy tham nhũng bị phát hiện và xử lý chủ yếu là cấp xã. Đối tượng tham nhũng là người có chức có quyền trong cấp xã. Phải chăng đối tượng tham nhũng cấp xã dễ xử lý do quyền lực cấp xã hạn chế.

Thiệt hại về vật chất do các vụ tham nhũng đã khám phá có chiều hướng tăng dần. Tỷ lệ thất thoát qua thanh tra một số công trình tỷ lệ thất thoát trong xây dựng là khoảng 30%-50%, thất thoát một nửa. Trong xây dựng, nhiều công trình chất lượng kém do bị bớt xén nguyên liệu, rút ruột, thất thoát trong xây dựng cơ bản, kể cả xây dựng giao thông nên vừa đưa vào sử dụng đã hư hỏng hoặc đổ vỡ gây chết người. Báo chí, nhân dân đã phải kêu: Trong cơ chế này phải thừa nhận thất thoát trong xây dựng như việc sống chung với lũ. Công trình rửa nhan nhản khắp nơi, trì trệ tiến độ XDDB, khiến đời sống sinh hoạt của người dân gặp nhiều khó khăn.

Bệnh tham nhũng, chạy chức, chạy quyền phát triển nhanh do sự thông đồng giữa các công ty nước ngoài cùng

những nhà đầu tư vô lương tâm với các quan chức tham nhũng, đặt lợi ích riêng lên trên phúc lợi xã hội và sự phát triển của đất nước. Những nhà đầu tư, nhà phân tích nước ngoài đang có mặt và hoạt động tại VN đã ngày càng mệt mỏi với gánh nặng tham nhũng. Kinh tế trưởng WB tại VN nhận xét tình trạng tham nhũng đang ở mức nguy hiểm ở VN (9.8.2006).

Hậu quả là tham nhũng làm giảm hiệu quả của đầu tư. Theo tính toán của Chính phủ, năm 2004 tổng vốn đầu tư phát triển cả nước chiếm 35,4% GDP, nhờ đó tốc độ tăng trưởng GDP sẽ đạt 7,6%. Để làm tăng trưởng một đồng GDP thì xã hội phải đầu tư 4,7 đồng. Trong khi vào thời kỳ 1995-1996 mỗi năm vốn huy động đầu tư phát triển của cả nước so với GDP chỉ chiếm từ 31,7%-32,1% nhưng tốc độ tăng trưởng GDP lại đạt 9,34-9,54% (thời kỳ cao nhất trong 10 năm qua), tính ra để có 1 đồng GDP tăng trưởng thì vốn đầu tư cần từ 3,3-3,4 đồng. Như vậy để tạo cho GDP tăng 1 đồng trong năm 2004 thì phải đầu tư tăng thêm 1,3 đồng so với cách đây 8-9 năm, tức hiệu quả đầu tư đã giảm 38%. Tham nhũng tăng, hiệu quả đầu tư giảm 38%.

Nhà nước đã ban hành nhiều luật, quy định song hình ảnh một số cán bộ công chức đặc quyền đặc lợi, không chấp hành kỷ cương phép nước, một số thẩm phán chạy án đã khiến người dân giảm sút lòng tin vào pháp luật. Ông cha ta nói: Nhà đột từ nóc, quan tham thì dân gian, thì lấy đâu việc thực thi nghiêm túc pháp luật được. Muốn chống tham nhũng phải tiêu diệt nạn tham nhũng từ nóc, chứ không phải chỉ tập trung vào cấp xã, cấp thấp.

Phản biện xã hội cần phân tích có cơ sở khoa học và thực tiễn những tác hại của tham nhũng và nêu ra những sáng kiến đóng góp vào tiêu diệt nạn tham nhũng ở nước ta.

2. Vấn đề đất đai

Có ý kiến cho rằng sau chiến tranh chúng ta không có tài sản gì ngoài khai thác tài nguyên có sẵn trong đó có đất

dai để phát triển, vì vậy chính sách đất đai của nước ta cần phải hướng tới mục đích đất đai là nguồn thu lớn của ngân sách, khuyến khích đầu tư đất đai để đất đai ngày càng có giá cao.

Song dư luận xã hội cho rằng điều đó không đúng. Việc thiếu vắng những tài nguyên thiên nhiên, đã nhập khẩu gần như toàn bộ nguyên liệu, những quốc gia Nhật, Đức và những nền kinh tế châu Á khác trong vài thập niên gần đây đã phát triển nhanh chóng bằng cách dựa vào nguồn vốn con người (công bằng xã hội, giáo dục đào tạo tốt và ý thức dân tộc cao) chứng minh điều đó.

Ở nước ta theo đánh giá chính sách đất đai đã tác động không thuận lợi đến phát triển các KCN-KCX. Sự phát triển các KCX, KCN đang gặp nhiều khó khăn trở ngại, khó khăn chủ yếu vẫn nằm trong khâu đất đai, đền bù. Theo ban quản lý các KCN, KCX, đầu tư vào các KCN giảm nguyên nhân chính là do các KCN không có sẵn đất để đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư do thiếu quỹ đất, mặc dù khách hàng không thiếu, trong khi quỹ đất còn nhiều nhưng lại không khai thác được do giá đền bù giải toả tăng mạnh, giá san lấp mặt bằng lớn. Trong cuộc gặp gỡ với các nhà đầu tư nước ngoài cho thấy rào cản vẫn là thủ tục và đất đai. Tổng lãnh sự Mỹ tại TP.HCM cho rằng cần phải có chính sách rõ ràng về đất đai, công khai, minh bạch, phải có sự ưu tiên nào đó nếu không đất sẽ rơi vào tay những kẻ đầu cơ và nhà đầu tư sẽ bỏ đi. Ngoài ra cổ phần hóa khó khăn vì việc xác định giá trị quyền sử dụng đất.

Giá cả đất đai cao hơn so với các nước trong khu vực. Giá cả cao đẩy chi phí sản xuất lên khiến các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển đến các nước có giá đất rẻ hơn. Phóng viên thường trú một tờ báo tại Paris tại VN có nhận xét nhà Sài Gòn đắt hơn bên Pháp. Ở Pháp biệt thự rộng gần 400 m², tòa nhà khá đẹp mà giá có 1,5 triệu Fr tương đương 3 tỷ đồng. Giá nhà đất của VN không thể đắt hơn các nước phát triển, nơi cơ sở hạ tầng hoàn hảo hơn 100 lần.

Tình trạng người dân bị mất đất do xây dựng các dự án. Ở nhiều nơi chính

sách tái định cư đang bị thương mại hóa khiến người dân sợ giải tỏa. Giải tỏa nhiều tái định cư ít. Việc nhà nước, các đại gia đền bù cho dân bằng khung giá này rồi bán nhà, bán nền tái định cư cho dân với khung giá khác là không ổn. Để giải quyết tình trạng này, một số nơi đưa ra chính sách giá đền bù ngang giá thị trường, điều đó sẽ đưa giá đất ngày càng leo thang.

Hậu quả là chính sách đất đai đã tác động không thuận lợi đến tăng trưởng kinh tế. Tình trạng một số người dân tập trung ở Hà Nội, TP.HCM để khiếu nại, tố cáo về những vấn đề liên quan đến đất đai, chính sách đất đai, chính sách đền bù khi thu hồi đất của nhà nước còn bất cập, đã gây ảnh hưởng không tốt đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội (Báo Người lao động ngày 23.7.2007).

Phản biện xã hội cần đưa kinh nghiệm của các nước ASEAN, Đông Á về đất đai làm những bài học cần thiết trong việc đổi mới chính sách đất đai.

3. Vấn đề ô nhiễm môi trường

Có ý kiến cho rằng ba mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường khó mà đạt được sự thống nhất và không nên để thúc ép về bảo vệ môi trường mà đánh mất lợi thế phát triển. Phát triển kinh tế luôn xung đột với lợi ích của môi trường. Tư tưởng coi trọng lợi ích kinh tế mà không chú ý đến lợi ích môi trường còn khá phổ biến. Thực vậy ở VN mục tiêu ưu tiên số một là đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất, chưa chú ý thích đáng đến bảo vệ môi trường.

Dư luận xã hội cho thấy môi trường bị ô nhiễm ngày càng nặng. Môi trường đất thoái hóa do lạm dụng phân bón, thuốc trừ sâu, phát triển giống lúa cao sản làm cho đất bạc màu nhanh, xói mòn tài nguyên đất, làm giảm độ phì đất, trên 50% diện tích đất. Môi trường nước bị ô nhiễm do ảnh hưởng chất thải từ các đô thị và các cơ sở công nghiệp cung cấp những chất độc hại (Nhiều khu công nghiệp cơ sở sản xuất chưa tuân thủ các quy định về phòng ngừa ô nhiễm, 70% các khu công nghiệp không

có hệ thống xử lý nước thải, 90% cơ sở sản xuất dịch vụ không xử lý nước thải mà đổ thẳng ra môi trường) và sử dụng phân bón hóa chất trong nông nghiệp gây ra. Rừng tự nhiên bị tàn phá vì mưu sinh người ta khai thác tài nguyên một cách bừa bãi, chất lượng rừng xuống cấp, trong đó do sử dụng phát triển thủy sản, bẫy, lụt, lũ, hạn hán, cháy rừng xảy ra nghiêm trọng (Trong vòng 50 năm diện tích che phủ rừng đã giảm từ 43% xuống còn 27% năm 1990 và tăng lên 33% năm 2001 và 34,4% năm 2003. Rừng giàu, rừng nguyên sinh chỉ còn khoảng 13% và rừng tái sinh chiếm 55% tổng diện tích rừng). Theo *Diễn đàn kinh tế thế giới* VN hiện đang đứng vào hạng đội sổ trong số các nước ASEAN về độ bền vững môi trường.

Những nơi này đang gây ra hậu quả nghiêm trọng cho người dân bệnh tật tràn lan, nhiều làng ung thư xuất hiện, gây thiệt hại rất lớn cho trồng trọt chăn nuôi với dịch cúm gia cầm, lở mồm long móng, bệnh heo tai xanh, liên cầu khuẩn trên heo...

Ở VN nhiều chiến lược kế hoạch được ban hành: Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở VN (Chương trình nghị sự 21 của VN). Tuy nhiên còn nhiều điều tồn tại, cơ chế quản lý chính sách, hiệu lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường còn nhiều hạn chế, bộ máy tổ chức quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường còn yếu cả về số lượng và năng lực, đầu tư cho bảo vệ môi trường còn rất thấp, các DN chưa chú ý đầu tư thay đổi công nghệ, công trình xử lý chất thải, ở một số khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải phần nhiều chỉ làm cho có, hoặc có nhưng không vận hành vì sợ đội giá thành giảm lợi nhuận. Chưa có nhà máy nào, một đơn vị sản xuất nào bị đóng cửa vì gây ô nhiễm.

Phản biện xã hội cần làm rõ những thiệt hại về môi trường sẽ phải trả giá về lâu dài. Liệu lợi nhuận thu được từ công nghiệp có đủ bù đắp chi phí phải trả cho việc cải thiện môi trường và có kiến nghị giải quyết nạn ô nhiễm môi trường. Cần

nhANH chóng thay đổi cơ cấu kinh tế, hạn chế phát triển các ngành tiêu tốn nguyên vật liệu và gây ô nhiễm, chú trọng phát triển các ngành thuộc lĩnh vực công nghệ cao. Cần nâng cao trình độ kỹ thuật công nghệ trong các ngành và xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường. Ngoài ra cần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân.

4. Vấn đề giáo dục, y tế

Theo nhiều quan chức giáo dục y tế để phát triển giáo dục, y tế trong khi ngân sách có hạn cần tăng phần đóng góp của xã hội và người dân. Nghe ra rất có lý và là tất yếu không thể không thực hiện được. Chủ trương xã hội hóa trong giáo dục, y tế đã làm tăng sự đóng góp của người dân cho học tập, chữa bệnh.

Song dư luận xã hội cho rằng sự đóng góp của người dân cho giáo dục và y tế ngày càng tăng và cao quá, vượt quá khả năng của người dân. Về giáo dục hiện nay phần tài chính do dân đóng góp cho lĩnh vực đào tạo ở nước ta chiếm 50% tổng chi phí cho giáo dục. Ngân sách chi cho giáo dục của nước ta đã thấp cả về tổng chi lẫn tính theo đầu người, chiếm 18% tổng chi ngân sách cả nước, 53 USD/người, so với các nước lân cận, ngân sách chi cho giáo dục của họ đều cao gấp đôi, gấp ba, thậm chí gấp hơn trăm (Trung Quốc 105 USD/người, Thái Lan 350 USD/người, Malaysia 720 USD/người). Phần ngân sách chi cho giáo dục của cả nước chỉ chiếm 50% tổng số tiền chi cho giáo dục. Về y tế cũng vậy, chi ngân sách cho y tế của nước ta còn khá thấp. Nguồn vốn ngân sách chi cho y tế 3,8% năm 1997, 3,2% năm 2001, hiện nay là 5-6%. Tỷ lệ này thấp nhất so với các nước láng giềng. Chúng ta chủ trương xã hội hóa y tế, tăng phần đóng góp của người dân cho chi phí y tế. Theo chủ nhiệm UBVDXH của QH thì đầu tư cho y tế rất thấp so với yêu cầu, trong đó tỷ lệ ngân sách nhà nước trong tổng số chi của bệnh viện giảm từ 70% năm 1994 xuống 26% năm 2004, tính theo tổng chi phí thì ngân sách nhà nước mới chỉ bảo đảm khoảng hơn 20% còn 80% do người bệnh tự chi trả.

Điều tra mức sống dân cư cho thấy chi phí trực tiếp cho giáo dục khá cao so với thu nhập các hộ nghèo là một trong những nguyên nhân chính khiến trẻ em nghèo ít đi học. Số con em nhà nghèo ngày càng ít đến trường, thất học và tỷ lệ giảm ở các cấp cao hơn. Trong y tế cũng vậy, phần đóng góp của người dân cho chữa bệnh ngày càng tăng. Phần đông người có thu nhập thấp chỉ sau một thời gian ngắn dốc hết tiền để khám chữa bệnh, nhiều gia đình nhanh chóng rơi vào diện hộ nghèo, nhiều người không có tiền dành chờ chết (300-600 triệu đồng một ca mổ ghép tạng). Các chuyên gia y tế quốc tế lưu ý ở các nước trong khu vực người VN, Bangladesh, Ấn độ, Trung Quốc chịu gánh nặng y tế cao nhất trong khi người Malaysia, Thái Lan và Indonesia thấp nhất.

Hậu quả là trong giáo dục tỷ lệ học sinh nhập học tổng hợp các cấp giáo dục VN năm 2005 thấp nhất trong số 9 nước Đông Nam Á, cao hơn Myanmar, Campuchia, Lào. Kết quả là có khoảng 6,8 triệu người trên 10 tuổi chưa từng đến trường và trong số đó có 5,3 triệu người hoàn toàn chưa biết chữ, tỷ lệ mù chữ của lực lượng lao động cả nước là 4%, số lao động được đào tạo nghề hiện nay chỉ đạt 25% so với tổng số lao động, nghĩa là còn 75% lao động không được đào tạo nghề. JETRO điều tra các công ty VN cho thấy 1/2 số công ty được hỏi than phiền về khó khăn trong việc tìm kiếm kỹ sư có trình độ, còn tình hình tuyển dụng cán bộ quản lý cấp trung gian ở VN đang ở mức tồi tệ nhất so với các nước trong khu vực châu Á. Trong ngành y tế, hậu quả là công luận nóng lên vì những phát hiện cho thấy sức khỏe cộng đồng bị coi thường, tình trạng quá tải, y đức của nhân viên y tế, chất lượng điều trị thấp, tình trạng lạm dụng xét nghiệm, lạm dụng thuốc ngoại nhập rất phổ biến gây tổn kém cho người bệnh, vốn cho dự án hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho người nghèo tiêu không hết, song bao nhiêu người nghèo chết vì ốm đau mà không được chăm sóc thỏa đáng, tình trạng mất an toàn vệ sinh thực phẩm (vụ nước tương có chất gây ung thư

sau 6 năm trời bùng phát thông tin, gây thiệt hại cho dân, hàng chục ngàn người ung thư) nông và hải sản tồn đọng dư lượng hóa chất, thịt gia súc nhiễm bệnh.

Vừa qua nước ta tham gia WTO, VN cam kết thực hiện Hiệp định chung về thương mại dịch vụ GATS đối với tất cả 12 ngành dịch vụ, trong đó có giáo dục được coi là lĩnh vực dịch vụ mở cửa rộng nhất. Giáo dục theo WTO có xu hướng thương mại hóa, nhằm mục đích lợi nhuận, trái với quan điểm cơ bản của UNESCO giáo dục là quyền lợi cơ bản của con người, không nhằm mục đích lợi nhuận. Chúng ta chủ trương cổ phần hóa một số trường công. Cổ phần hóa thực chất là thương mại hóa, mục tiêu chủ yếu là chạy theo lợi nhuận của các nhà đầu tư. Cũng vậy, ngành y tế có khuynh hướng thương mại hóa, chủ trương cổ phần hóa bệnh viện công, mục tiêu chữa bệnh cho người dân là thứ yếu so với mục tiêu chạy theo lợi nhuận của các nhà đầu tư.

Phản biện xã hội cần làm rõ tính phúc lợi xã hội của hoạt động giáo dục, y tế, trường học bệnh viện phải hoạt động theo định chế phi lợi nhuận là chính và nêu ra những kiến nghị, những sáng kiến phát triển giáo dục, y tế phục vụ lợi ích của cộng đồng, không để ngành giáo dục y tế thành một đối tượng kinh doanh vì lợi nhuận của chủ đầu tư.

5. Vấn đề khoảng cách giàu nghèo

Có ý kiến cho rằng trong quá trình tăng trưởng khoảng cách giàu nghèo là hiện tượng bình thường và càng tăng trưởng khoảng cách giàu nghèo càng lớn.

Dư luận xã hội cho rằng cần phải tránh tình trạng phân hóa giàu nghèo vì nó có hại cho tăng trưởng kinh tế. Khoảng cách giàu nghèo của nước ta ngày càng đoãng ra: năm 1996 10,6 lần, 1999 12 lần, 2001-2002 12,5 lần, 2005 13,5 lần và đang có chiều hướng mở rộng. Thu nhập bình quân đầu người năm 2006 là 729 USD, nhưng số người nghèo là đại bộ phận chỉ 200 USD/người/năm. Ngay trong công nhân lao động, trong hầu hết doanh nghiệp tư

nhân, thu nhập tháng 700.000-800.000 đồng, thậm chí 400.000-500.000 đồng, trong khi đó có tầng lớp mỗi tháng lĩnh trên 10 triệu đồng là chuyện bình thường. Chỉ số GINI phản ánh mức độ bất bình đẳng giữa các tầng lớp dân cư, sự chênh lệch giàu nghèo và tiêu dùng xã hội của VN là 36,2% cao hơn hẳn những nước giàu nhất hiện nay như Na Uy 25,8%, Thụy Điển 25%, Nhật 24,9%. Theo ông Roland đang có sự bất bình đẳng trong phát triển, người giàu ở VN đang giàu lên, người nghèo lại nghèo đi.

Như vậy là GDP/người trong những năm qua tăng, nhưng mức sống của đa số dân cư vẫn không được cải thiện một cách tương ứng, người dân không hưởng lợi từ tăng trưởng GDP, vì phúc lợi xã hội do tăng trưởng mang lại đã bị rơi vào tay một nhóm nhỏ người trong xã hội, các quan chức và các đại gia. Ông Malik Quốc vụ khanh của Anh: VN cần giải quyết tình trạng bất bình đẳng và bảo đảm những người có hoàn cảnh khó khăn và dễ bị tổn thương được hưởng những thành quả của tăng trưởng kinh tế.

Phản biện xã hội cần phải phân tích rõ công bằng xã hội là tiêu chí và cũng là động lực của phát triển, cần phải rút ngắn khoảng cách giàu nghèo và để đa số người dân được hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế, cần phải đưa ra những giải pháp và kiến nghị tăng cường đời sống của người lao động và rút ngắn khoảng cách giữa người giàu và người nghèo khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng, giữa thành thị-nông thôn.

Tóm lại để phản biện xã hội đi vào cuộc sống, có hiệu quả, xin kiến nghị:

- Cần xây dựng một cơ chế cụ thể khuyến khích sự tham gia của người dân trong việc ra các quyết định.
- Khi triển khai một dự án cần minh bạch và công khai hóa thông tin, nhất là những thông tin về ảnh hưởng tiêu cực của dự án.
- Tăng cường việc đối thoại 2 chiều giữa chính quyền và người dân trong việc giải quyết những vấn đề phát sinh ■

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Phó chủ tịch Hội khoa học kinh tế và quản lý TP.HCM